TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N - sinh năm 1989

Nơi cư trú: Khu 8, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Anh Trần Trí D - sinh năm 1989

Nơi cư trú: Khu 8, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5, Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Hoàng Thị N và anh Trần Trí D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Tuấn A - sinh ngày 12/02/2015 và Trần Thị Thiên K - sinh ngày 12/12/2016; anh Trần Trí D có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 1.500.000đ/01 con chung/01 tháng kể từ tháng 5/2020 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng định kỳ theo tháng.

Anh Trần Trí D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003555 ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Thắng